

Bản án số:01/2022/HSST
Ngày 12 tháng 01 năm 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Ông Lê Thanh Nhất.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khương Thị Phụng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh V, Tòa án nhân dân huyện L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 73/2021/TLST - HS ngày 15 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐXXST - HS ngày 16 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Bích H, sinh ngày 24/9/1987; Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn L, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Đảng đoàn thể: Là đảng viên đảng cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt đảng) con ông Nguyễn Ngọc Ch, sinh năm 1963 và bà Chu Thị Kim Th, sinh năm 1967; chồng Phạm Minh Th, sinh năm 1974, có 02 con, lớn sinh năm 2009 nhỏ sinh năm 2011; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại tại địa phương, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Bích H, sinh năm 1987, trú tại tổ dân phố T, thị trấn L, huyện L, tỉnh V có 01 thửa đất diện tích 120m² tại thôn C, xã X, huyện L, tỉnh V, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên H từ năm 2015. Năm 2018, H vay của chị Phạm Thu H, sinh năm 1970 ở thị trấn L số tiền 1.200.000.000đồng và để lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Đến khoảng cuối năm 2019 (H không nhớ ngày tháng cụ thể) H gặp một người phụ nữ (không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể của người này) ở quán nước. Qua nói chuyện biết người phụ nữ này làm được giấy tờ giả nên H thuê làm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thì người phụ nữ này đồng ý. H cung cấp thông tin giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất trên để làm 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Khoảng một tuần sau, H gặp người phụ nữ, nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả và trả cho người này 2.000.000đồng tiền công. Sau đó, H mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả về nhà cất giấu không cho ai biết. Đến tháng 4/2021, do cần tiền để kinh doanh, H nảy sinh ý định sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để vay tiền ngân hàng. H liên hệ với ngân hàng ngoại thương Việt Nam chi nhánh Tuyên Quang để trao đổi việc vay vốn. Qua trao đổi, xem xét hồ sơ, ngân hàng đã soạn thảo và gửi cho H hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để H tự đi làm thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm, khi nào thực hiện xong thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm thì giữa hai bên sẽ ký hợp đồng tín dụng và giải ngân. Nhận được hợp đồng thế chấp, H dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho vào hồ sơ và gửi qua bưu điện đến Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện L. Ngày 13/2/2021, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện L nhận được 01 hồ sơ giao dịch bảo đảm (đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất) của H. Quá trình tiếp nhận hồ sơ, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện L phát hiện giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhiều đặc điểm nghi là tài liệu giả. Ngày 17/5/2021, Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện L đã trình báo Cơ quan điều tra Công an huyện L.

Sau khi tiếp nhận tin báo, cơ quan CSĐT Công an huyện L đã tiến hành thu giữ toàn bộ vật chứng gồm: 01 tờ giấy khổ B4, tại trang 1 có chữ “*GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT*”, đề tên Nguyễn Thị Bích H, SN 1987, CMND số: 135348108, địa chỉ thường

trú: thị trấn L, huyện L, tỉnh V, có seri: CA 553468, Tại trang 2, mục “*SỔ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH VĨNH PHÚC; KT.GIÁM ĐỐC; PHÓ GIÁM ĐỐC*” đề ngày 06/8/2015 có chữ ký bằng mực màu xanh đề tên Nguyễn Văn Khước và có hình dấu tròn đỏ đọc được là “*SỔ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG*” – ký hiệu A1; 01 bì thư dịch vụ chuyển phát nhanh, tại mục “*NGƯỜI GỬI/FROM*” có chữ viết đọc được là: “Nguyễn Thị Bích H, Thị trấn L – huyện L, Tel: 0976.790586”; tại mục “*NGƯỜI NHẬN/TO*” có chữ viết đọc được là: “*Văn phòng đăng ký đất đai huyện L – V*” – ký hiệu A3.

Cơ quan CSĐT Công an huyện L đã triệu tập H để làm việc, lấy mẫu chữ viết của H và thu mẫu chữ ký, mẫu hình dấu tròn đỏ tại Sở tài nguyên và môi trường tỉnh V để phục vụ công tác giám định. Ngày 20 và 26/5/2021, cơ quan CSĐT Công an huyện L có Quyết định trưng cầu giám định số 117, 119, 121 gửi đến phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V giám định tài liệu đối với 02 tài liệu thu giữ được tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện L. Kết quả:

* Ngày 09/6/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V có kết luận giám định số 1276/KLGĐ, kết luận: Chữ viết tại mục “*NGƯỜI GỬI/FROM:*”, “*NGƯỜI NHẬN/TO:*” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A3) so với chữ viết của Nguyễn Thị Bích H trên các mẫu so sánh là do cùng một người viết ra

* Ngày 11/6/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh V có kết luận giám định số 1295/KLGĐ, kết luận:

- Hình dấu tròn đỏ có nội dung: “*CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM * TỈNH VĨNH PHÚC * SỔ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG*” trên mẫu cần giám định (Ký hiệu A1) không phải hình dấu đóng trực tiếp, được tạo ra bằng phương pháp in phun màu.

- Chữ ký mang tên Nguyễn Văn Khước dưới mục “*KT.GIÁM ĐỐC PHÓ GIÁM ĐỐC*” trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với các chữ ký của ông Nguyễn Văn Khước trên các mẫu so sánh là không phải do cùng một người ký ra.

* Ngày 11/6/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc có kết luận giám định số 1297/KLGĐ, kết luận: Các lớp in trên mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với các lớp in tương ứng trên mẫu so sánh không phải do cùng một phương pháp in ra.

Bản cáo trạng số: 75/CT-VKS ngày 12 tháng 11 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh V đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Bích H về tội “làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L luận tội đối với bị cáo Nguyễn Thị Bích H và giữ nguyên quyết định truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Bích H phạm tội “làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo H bằng tù từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, đề nghị xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại diện Viện kiểm sát và không có lời bào chữa, bổ sung nào khác.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo có con nhỏ, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong Hồ sơ vụ án đã được xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị Bích H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, bản kiểm điểm của bị cáo; lời khai của người liên quan; biên bản thu giữ vật chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định: Khoảng cuối năm 2019, Nguyễn Thị Bích H đã có hành vi cung cấp thông tin thửa đất của H có diện tích 120m² tại thôn C, xã X, huyện L, tỉnh V cho một người phụ nữ (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) để thuê người phụ nữ này làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với giá 2.000.000 đồng, sau đó H mang về nhà cất giấu. Đến tháng 4/2021 do cần tiền để kinh doanh H sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này để làm hợp đồng thế chấp ngân hàng. Ngày

13/5/2021, H gửi đến Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện L để đăng ký giao dịch bảo đảm thì bị phát hiện. Hành vi nêu trên của Nguyễn Thị Bích H đã phạm vào tội “làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Điều luật quy định: “1. Người nào làm giả ... tài liệu ... của cơ quan, tổ chức..., thì bị phạt tiền từ 30.000.000đồng đến 100.000.000đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.”

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước về tài liệu hoặc giấy tờ khác được luật hình sự Việt Nam bảo vệ. Hành vi đó thể hiện sự coi thường pháp luật. Hiện nay, việc làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức để thực hiện hành vi trái pháp luật đang có chiều hướng ngày càng gia tăng, gây ảnh hưởng không nhỏ đến mọi mặt của đời sống xã hội. Trong vụ án này, bị cáo dù biết các giấy tờ giả bị nhà nước nghiêm cấm sử dụng nhưng bị cáo vẫn bất chấp dùng giấy tờ giả để thực hiện mục đích của mình. Do vậy, phải xử lý nghiêm bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Về nhân thân của bị cáo cũng như các tình tiết xem xét giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự thấy rằng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nơi cư trú ổn định, chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo dưới sự giám sát giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình, như vậy cũng đủ điều kiện để các bị cáo tự cải tạo mình trở thành người công dân có ích cho xã hội.

[4] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng đến 50.000.000đồng. Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo thấy rằng: Bị cáo sử dụng giấy tờ giả đi giao dịch nhưng chưa được thực hiện. Do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Đối với hành vi H sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mục đích để vay tiền của ngân hàng nhằm mục đích kinh doanh, tuy nhiên khi mới làm thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm thì bị phát hiện, giữa H và ngân hàng chưa làm hợp đồng tín dụng để vay tiền nên hành vi của H không cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

Đối với người phụ nữ H thuê làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả do Hằng không xác định được tên, tuổi, địa chỉ cụ thể nên cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh để xử lý.

[5] Về xử lý vật chứng vụ án:

Đối với 01 tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, 01 hợp đồng thế chấp và 01 bì thư là tài liệu cần lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Bích H phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Bích H phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt Nguyễn Thị Bích H 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (Hai) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Bích H cho UBND thị trấn L, huyện L, tỉnh V giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Bích H có thay đổi về nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, H được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 tờ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, 01 hợp đồng thế chấp và 01 bì thư.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Nguyễn Thị Bích H phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh V
- VKSND tỉnh V
- VKSND L
- THA L
- Công an L
- Sở Tư pháp V
- Bị cáo
- Lưu HS+Vp

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà

Đã ký và đóng dấu

Ngô Thị Minh Hiệp

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS huyện Lập Thạch;
- Công an huyện Lập Thạch;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Ngô Thị Minh Hiệp